TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 505/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Thị Nam**

2. Ông **Nguyễn Tất Năm**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Tào Minh Quân –** Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 535/2016/TLST-HN ngày 15 tháng 12 năm 2016 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1384/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2530/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Hồng M**, sinh năm 1947

Địa chỉ: số 623/8-8A đường B, phường C, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*: Ông **Trần Thanh D (D Thanh Tran)**, sinh năm 1946

Địa chỉ: số 12107 Hill CH TX 77035 USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 01/11/2016 và các bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng M trình bày:

Bà và ông Trần Thanh D kết hôn với nhau, có giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/7/1972 tại Quận 3 Thành phố Sài Gòn nay là Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Sau năm 1975, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên không còn sống chung với nhau nữa. Ông D là quân nhân chế độ cũ, sau khi đi học tập cải tạo về ông

sống tại xã H, huyện R nay là thị trấn D, huyện L tỉnh Khánh Hòa. Đến năm 1978, ông D đi vượt biên và định cư tại Mỹ. Từ đó cho đến nay vợ chồng không liên lạc với nhau. Sau khi qua Mỹ, ông D đã lập gia đình khác có 02 con. Thời gian xa nhau quá lâu, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục đời sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn để không còn ràng buộc nhau về mặt pháp lý.

Về con chung: có 02 người con Trần Thị Hồng L, sinh năm 1973 và Trần Quốc C, sinh năm 1974. Các người con đều đã thành niên bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn ông Trần Thanh D (D Thanh Tran) cư trú ở Hoa Kỳ, Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp, đã gửi Văn bản thông báo về việc thụ lý và xét xử vụ án dân sự sơ thẩm số 210/UTTPDS-TA30 ngày 14/7/2017. Theo nôi dung tại Thông báo nêu trên thì thời gian mở phiên tòa lần 1 vào lúc 8g00 ngày 16/4/2018, thời gian mở phiên tòa lần 2 vào lúc 8g00 ngày 26/4/2018. Văn bản đã được Bộ Tư pháp gửi đến Công ty ABC Legal, Hoa Kỳ ngày 26/9/2017. Theo đó, Công ty ABC Legal, Hoa Kỳ đã thực hiện thành công ủy thác tư pháp vào ngày 13/02/2018. Đến nay, Tòa án không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ của ông Trần Thanh D; đến ngày mở phiên tòa ông Trần Thanh D đều không có mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu và thủ tục tại phiên tòa .

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị Hồng M được ly hôn ông Trần Thanh D. Về con chung: Hai người con chung Trần Thị Hồng L, sinh năm 1973 và Trần Quốc C, sinh năm 1974 đã thành niên. Tài sản chung không có gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng M đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; bị đơn ông Trần Thanh D cư trú tại Hoa Kỳ; giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 465; Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Thanh D vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

Bà Nguyễn Thị Hồng M và ông Trần Thanh D tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1972, có đăng ký kết hôn theo Giấy công nhận kết hôn số 514 ngày 10/7/1972 của Ủy ban nhân dân Quận B, tỉnh Sài Gòn nay là UBND Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp.

Theo lời khai của bà M thì cuộc hôn nhân giữa ông bà chỉ kéo dài đến năm 1975 là phát sinh mâu thuẫn. Sau ngày 30/4/1975, ông D đi học tập cải tạo về vợ chồng mạnh ai nấy sống không chung sống với nhau. Đến năm 1978, ông D vượt biên sang Mỹ định cư và đã chung sống với người phụ nữ khác. Từ đó cho đến nay, bà và ông D không liên lạc gì với nhau. Vì vậy, bà M xác định không thể duy trì quan hệ hôn nhân giữa đôi bên, bà yêu cầu được ly hôn ông D để tránh ràng buộc về pháp lý.

Tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình". Như vậy, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét, thực tế vợ chồng đã không còn sống cùng nhau trong thời gian dài, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà M.

Về con chung: Bà M khai thời gian sống chung giữa đôi bên có hai người con chung là Trần Thị Hồng L, sinh năm 1973 và Trần Quốc C, sinh năm 1974 đã thành niên. Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: bà M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 200.000 đồng nguyên đơn chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 469; Điều 474; Điều 477; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng M;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng M được ly hôn ông Trần Thanh D (D Thanh Tran).

Giấy công nhận kết hôn số 514 ngày 10/7/1972 của Ủy ban nhân dân Quận B tỉnh Sài Gòn nay là UBND Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: hai người con chung là Trần Thị Hồng L, sinh năm 1973 và Trần Quốc C, sinh năm 1974 đã thành niên. Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà M khai không có. Nếu có tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 200.000 đồng bà Nguyễn Thị Hồng M nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, cấn trừ tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng bà M đã nộp tại Biên lai thu số AA/2016/0031616 ngày 30/11/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà M đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng M và bị đơn ông Trần Thanh D; bà Nguyễn Thị Hồng M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ, ông Trần Thanh D được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Nam **Nguyễn Tất Năm** **Trần Thị Nhung**